



CẬP NHẬT QUÝ

CTCP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (NTP: HNX)

Giá mục tiêu: **61.600 Đồng**

Khuyến nghị: **TRUNG LẬP**

Tăng giá: **2,5%**

Ngày 21/05/2026

Doanh thu khởi sắc nhưng áp lực giá đầu vào vẫn hiện hữu

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP**, tuy nhiên với giá mục tiêu thấp hơn là **61.600 đồng/cổ phiếu**, dựa trên phương pháp định giá kết hợp P/E và P/B trung bình ngành 5 năm lần lượt là 13,1x và 1,9x, phản ánh dự báo lợi nhuận trước thuế năm 2026 thấp hơn do giá hạt nhựa tăng đột biến. Chúng tôi cho rằng NTP là một lựa chọn cổ phiếu phòng thủ nhờ nền tảng cơ bản tốt và động lực tăng trưởng của ngành xây dựng.

Luận điểm đầu tư

- **Đà tăng trưởng của ngành xây dựng ổn định và lượng hợp đồng chưa thực hiện (backlog) lớn tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng doanh thu.** Chúng tôi kỳ vọng doanh thu hợp nhất cả năm tăng 12,5% svck, đạt khoảng 7,8 nghìn tỷ đồng, nhờ giá bán bình quân tăng và lượng backlog chuyển tiếp. Tổng sản lượng tiêu thụ ống nhựa dự kiến đạt gần 148 nghìn tấn, tăng 10% svck.
- **Khả năng tăng giá bán bình quân theo đà phục hồi của giá hạt nhựa.** Điều này giúp duy trì tăng trưởng doanh thu và giảm thiểu rủi ro chi phí đầu vào bất định, vốn ảnh hưởng đến biên lợi nhuận ròng do công ty phụ thuộc 100% vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.
- **Cơ cấu tài sản lành mạnh giúp giảm thiểu rủi ro lãi suất.** Việc duy trì lượng lớn tiền mặt và đầu tư ngắn hạn giúp công ty ít chịu áp lực vay nợ lãi suất cao, đồng thời được hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất tiền gửi hiện tại, mang lại thu nhập tài chính thuần qua đó hỗ trợ lợi nhuận trước thuế (LNTT). Chúng tôi ước tính mức lãi suất huy động tăng 100 điểm cơ bản sẽ mang lại thêm khoảng 27 tỷ đồng thu nhập tài chính cho công ty (khoảng 3% LNTT năm 2026).

Điểm nhấn KQKD

KQKD Q1/2026 ghi nhận mức tăng trưởng khả quan từ mức nền cao trong Q1/2025. Doanh thu đạt hơn 1,5 nghìn tỷ đồng (+17,3% svck), nhờ sản lượng tiêu thụ ống nhựa đạt hơn 30,3 nghìn tấn (+16,8% svck). Biên lợi nhuận gộp tăng 1,1 điểm % svck, do NTP vẫn sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào giá thấp được tích trữ từ Q4/2025, qua đó giúp LNTT đạt khoảng 303 tỷ đồng (+19,4% svck), đi cùng với đà tăng trưởng doanh thu.

Về KQKD cả năm 2026, chúng tôi dự báo NTP sẽ hoàn thành kế hoạch kinh doanh với doanh thu đạt 7,8 nghìn tỷ đồng và LNTT đạt 1.074 tỷ đồng.

Rủi ro: Giá bán sản phẩm do thiếu hụt nguồn nhập khẩu hạt nhựa.

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	5.176	5.657	6.751	7.818	8.528
Tăng trưởng DTT	-9,0%	9,3%	19,3%	15,8%	9,1%
Biên lợi nhuận gộp	30,1%	31,3%	31,0%	28,1%	28,1%
NPATMI	559	736	993	891	929
EPS (VNĐ)	3.891	4.662	5.220	4.689	4.887
Tăng trưởng EPS	16,2%	19,8%	12,0%	-10,7%	4,2%
Nợ/VCSH (x)	0,55	0,4	0,28	0,31	0,31
Tỷ suất cổ tức (%)	5,1%	3,9%	3,8%	4,9%	3,2%
ROE	0,19	0,22	0,25	0,2	0,19
P/E (x)	10,15	13,73	12,62	13,16	12,63
P/B (x)	1,64	2,49	2,66	2,33	2,1
EV/EBITDA	5,93	6,95	6,53	6,38	6,09

Nguồn: NTP, SSI Research

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích cổ phiếu

chaunbm1@ssi.com.vn

Giá CP - VND (20/05/26)	60.100
Vốn hóa (USDmn):	403
SLCP lưu hành (triệu cp):	171
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	0,2
Giá cao/thấp 52T (k VND):	73,9/54,5
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	0,5
Tỷ lệ SHNN (%):	15,9
GTNN còn được mua (USDmn):	137,26
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	37,1

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Được thành lập từ năm 1960, NTP là đơn vị sản xuất ống nhựa hàng đầu tại Việt Nam, hoạt động chủ yếu tại khu vực miền Bắc với 57% thị phần, và 25% thị phần trên toàn quốc. NTP chuyên cung cấp các sản phẩm nhựa xây dựng, bao gồm danh mục đa dạng các loại ống và phụ kiện PVC, PPR và HDPE.

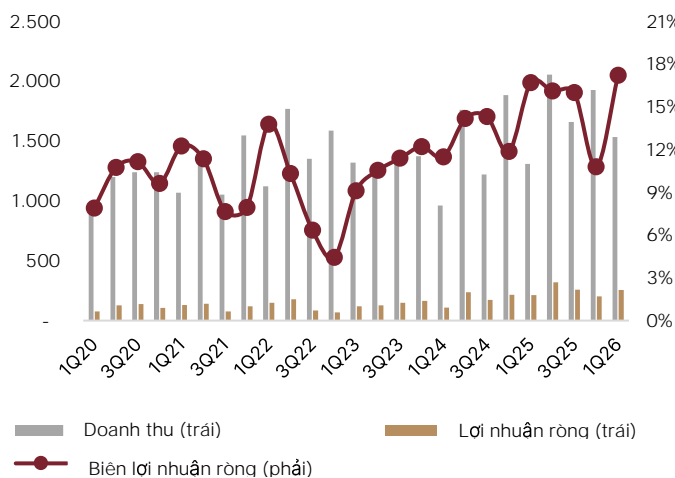
Cập nhật KQKD Q1/2026

Tỷ đồng	1Q26	1Q25	YoY	4Q25	QoQ	%hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							1Q26	1Q25	4Q25	2025
Doanh thu thuần	1.478	1.269	16,5%	1.881	-21,4%	20%				
Lợi nhuận gộp	442	358	23,4%	597	-26,0%		29,9%	28,2%	31,8%	31,0%
Lợi nhuận hoạt động	277	234	18,1%	234	18,4%		20,4%	19,9%	13,6%	17,8%
EBIT	321	271	18,4%	267	20,3%		21,7%	21,4%	14,2%	18,9%
EBITDA	172	271	-36,7%	416	-58,8%		11,6%	21,4%	22,1%	21,1%
Lợi nhuận trước thuế	303	254	19,4%	247	22,5%	34%	20,5%	20,0%	13,1%	17,7%
Lợi nhuận ròng	254	212	20,0%	203	25,4%		17,2%	16,7%	10,8%	14,7%
Lợi nhuận ròng cổ đông công ty mẹ	254	212	20,0%	203	25,4%		17,2%	16,7%	10,8%	14,7%

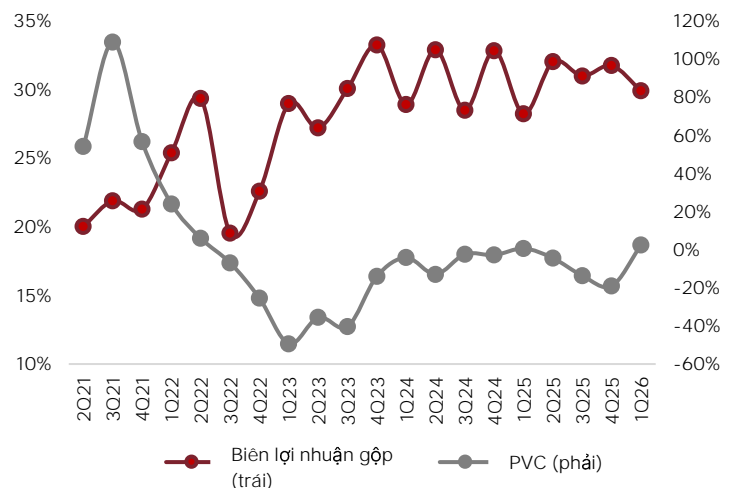
Nguồn: NTP, SSI Research

Q1/2026 ghi nhận đà tăng trưởng ổn định từ mức nền cao trong Q1/2025. Doanh thu của công ty đạt hơn 1,5 nghìn tỷ đồng (+17,3% svck), nhờ tổng sản lượng tiêu thụ ống nhựa đạt trên 30,3 nghìn tấn (+16,8% svck). Kết quả tăng trưởng ấn tượng này chủ yếu được hỗ trợ bởi sự gia tăng tiêu thụ từ kênh bán lẻ nhằm tận dụng mặt bằng giá bán bình quân thấp, trước khi công ty phải điều chỉnh tăng giá bán vào cuối tháng 3/2026 do giá hạt nhựa tăng đột biến. Bên cạnh đó, đà tăng trưởng còn được thúc đẩy bởi lượng backlog tích cực từ cả nhóm dự án công và tư nhân trong bối cảnh giải ngân đầu tư công tăng mạnh. Tính đến cuối Q1/2026, giá hạt nhựa PVC đã tăng 85,5% từ mức đáy, trong khi giá bán bình quân vẫn đi ngang trong quý nhờ lượng tồn kho giá thấp. Biên lợi nhuận gộp cải thiện 1,1 điểm % svck, do NTP vẫn sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào giá thấp tích trữ từ Q4/2025, giúp LNTT đạt khoảng 303 tỷ đồng (+19,4% svck), phù hợp với đà tăng trưởng doanh thu.

Biểu đồ 1: Doanh thu thuần (tỷ đồng), LNTT (tỷ đồng) và biên lợi nhuận (%)



Biểu đồ 2: Biến động giá hạt nhựa PVC svck và biên lợi nhuận gộp của NTP



Nguồn: BBG, SSI Research tổng hợp

Cập nhật ĐHCĐ 2026

- Kế hoạch kinh doanh năm 2026: Doanh thu và sản lượng tiêu thụ dự kiến tăng trưởng tích cực, trong khi LNTT khá thận trọng nhưng thực tế.** NTP đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 đạt 7.330 tỷ đồng (+10% svck) và sản lượng tiêu thụ đạt 148.000 tấn (+10,6% svck), dựa trên tăng trưởng chung của ngành nhựa xây dựng. Tuy nhiên, LNTT chỉ ở mức 900 tỷ đồng (-21% svck), thấp hơn năm 2025 do giá hạt nhựa PVC phục hồi mạnh, tăng 85,5% tính đến cuối Q1/2026 và 48% tính từ đầu năm, xuất phát từ tình hình bất ổn chính trị khiến giá dầu và chi phí logistics tăng, cùng với gián đoạn nguồn cung.
- Kế hoạch đầu tư mở rộng công suất:** Trong năm 2025, công ty đã giải ngân 200,7 tỷ đồng trên tổng ngân sách 364,4 tỷ đồng cho máy móc thiết bị. Sang năm 2026, NTP dự kiến đầu tư 468 tỷ đồng vào xây dựng, máy móc và các khoản dự phòng nhằm nâng cao công suất, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của ngành xây dựng.
- Chính sách cổ tức ổn định:** Năm 2025, cổ tức gồm 30% tiền mặt và 20% cổ phiếu, trong đó 15% tiền mặt đã được chi trả vào tháng 1/2026, tương đương tỷ suất cổ tức khoảng 5%. Công ty dự kiến phát hành 34 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 10:2) để trả cổ tức bằng cổ phiếu. Đồng thời, kế hoạch cổ tức năm 2026 dự kiến ở mức 20%.

Triển vọng năm 2026

Đà tăng trưởng của ngành xây dựng ổn định và lượng backlog lớn tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng doanh thu. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu hợp nhất tăng 12,5% svck lên khoảng 7,8 nghìn tỷ đồng, nhờ giá bán bình quân tăng và lượng backlog chuyển tiếp, bao gồm các dự án đầu tư công và tư nhân, cũng như dự án mở rộng từ các chủ đầu tư lớn như Vinhomes, Masterise và Hoàng Huy. Theo đó, tổng sản lượng tiêu thụ ống nhựa dự kiến đạt gần 148 nghìn tấn (+10% svck). Trong Q1/2026, NTP duy trì giá bán nhờ tồn kho PVC giá thấp; tuy nhiên từ Q2/2026, công ty sẽ tăng giá bán 25% đối với ống PVC và 50% đối với ống PR và PE, do diễn biến chi phí đầu vào tăng cao, đồng thời điều chỉnh giá theo biến động chi phí trong năm. Dù vậy, công ty khó có thể tiếp tục tăng giá sau lần điều chỉnh vào tháng 3, do có thể gây ảnh hưởng kém tích cực đến ngành xây dựng; do đó việc tăng giá chủ yếu hỗ trợ doanh thu hơn là duy trì biên lợi nhuận. Theo đó, LNTT hợp nhất năm 2026 dự báo đạt 1.074 tỷ đồng (-10% svck), nhưng vẫn cao hơn 21% so với năm 2024 (giai đoạn giá PVC thấp hơn hiện nay). Vì vậy, chúng tôi cho rằng kế hoạch kinh doanh năm 2026 của NTP là hoàn toàn khả thi.

Giá hạt nhựa biến động khó lường do thiếu hụt nguồn cung và chi phí vận chuyển cao. Giá hạt nhựa đã giảm mạnh từ nửa cuối năm 2022 do tình trạng dư cung và giá dầu giảm, khiến nhiều nhà máy thua lỗ và giảm sản xuất, tạo ra chu kỳ tăng giá mới do thiếu hụt. Ngoài ra, tình hình sản xuất và vận chuyển cũng bị gián đoạn sau khi eo biển Hormuz đóng cửa. NTP thường nhập khẩu từ Trung Đông và Hàn Quốc, tuy nhiên do nhà máy tại khu vực Trung Đông đóng cửa, còn Hàn Quốc hạn chế xuất khẩu nguyên vật liệu xây dựng để phục vụ nhu cầu nội địa, công ty đã phải tìm nguồn thay thế với giá cao hơn và nhập khẩu cầm chừng để duy trì sản xuất. Tuy vậy, lượng tồn kho trước đó giúp công ty duy trì hoạt động và phần nào giảm áp lực chi phí đầu vào.

Cơ cấu tài sản lành mạnh giúp giảm thiểu rủi ro lãi suất. Công ty duy trì lượng lớn tiền mặt và đầu tư ngắn hạn, với tỷ lệ tiền mặt ròng/tổng tài sản đạt 22% tính đến Q1/2026. Nhờ đó, công ty ít phụ thuộc vào vay nợ lãi suất cao, đồng thời hưởng lợi từ lãi suất tiền gửi giúp mang lại thu nhập tài chính hỗ trợ cho LNTT. Chúng tôi ước tính mức tăng lãi suất 100 điểm cơ bản có thể mang lại thêm khoảng 27 tỷ đồng thu nhập tài chính cho công ty (khoảng 3% LNTT năm 2026). Ngoài ra, nguồn vốn dồi dào cũng giúp NTP duy trì cổ tức tiền mặt ổn định qua các năm.

Định giá

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** với giá mục tiêu 1 năm là **61.600 đồng/cổ phiếu**, dựa trên phương pháp định giá kết hợp P/E và P/B trung bình ngành 5 năm lần lượt là 13,1x và 1,9x. Mức giá mục tiêu mới thấp hơn so với báo cáo trước do chúng tôi giảm dự báo LNTT năm 2026 sau khi giá hạt nhựa bất ngờ tăng mạnh. Chúng tôi cho rằng NTP là một cổ phiếu mang tính phòng thủ nhờ nền tảng cơ bản vững chắc và động lực tăng trưởng ngành xây dựng. Kịch bản tích cực là xung đột giữa Mỹ và Iran sớm kết thúc, giúp công ty nhập khẩu đủ hạt nhựa, qua đó ổn định sản xuất và giảm biến động giá đầu vào. Ngược lại, công ty có thể điều chỉnh giá bán bình quân theo chi phí, nên rủi ro chính vẫn là việc thiếu hụt nguồn cung dẫn đến gián đoạn sản xuất, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	533	446	838	1.605
+ Đầu tư ngắn hạn	2.492	2.679	2.411	1.929
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	428	525	821	981
+ Hàng tồn kho	1.005	1.441	1.406	1.594
+ Tài sản ngắn hạn khác	15	51	31	34
Tổng tài sản ngắn hạn	4.473	5.143	5.507	6.142
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	8	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	1.265	1.237	1.260	1.272
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	11	41	41	41
+ Đầu tư dài hạn	520	514	564	514
+ Tài sản dài hạn khác	145	105	175	191
Tổng tài sản dài hạn	1.942	1.905	2.039	2.018
Tổng tài sản	6.415	7.048	7.546	8.160
+ Nợ ngắn hạn	2.748	2.816	3.026	3.146
Trong đó: vay ngắn hạn	1.482	1.165	1.406	1.533
+ Nợ dài hạn	0	0	0	0
Trong đó: vay dài hạn	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	2.748	2.816	3.026	3.146
+ Vốn góp	1.425	1.710	1.710	1.710
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.023	1.304	1.593	2.086
+ Quỹ khác	1.218	1.218	1.218	1.218
Vốn chủ sở hữu	3.666	4.232	4.521	5.014
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	6.415	7.048	7.546	8.160
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.984	914	914	1.132
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-1.586	-327	-250	-150
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-351	-673	-1.055	-1.748
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	48	-87	392	767
Tiền đầu kỳ	485	533	446	838
Tiền cuối kỳ	533	446	838	1.605
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,63	1,83	1,82	1,95
Hệ số thanh toán nhanh	1,26	1,30	1,35	1,44
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,68	0,61	0,59	0,58
Nợ ròng / EBITDA	0,99	0,58	0,48	0,18
Khả năng thanh toán lãi vay	19,15	15,89	12,07	11,59
Ngày phải thu	40,6	20,6	27,0	36,8
Ngày phải trả	29,4	23,1	19,9	21,9
Ngày tồn kho	101,6	95,8	92,4	89,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,57	0,60	0,60	0,61
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,43	0,40	0,40	0,39
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,75	0,67	0,67	0,63
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,40	0,28	0,31	0,31
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,40	0,28	0,31	0,31

Nguồn: NTP, SSI Research

Tỷ đồng	2024	2025	2026F	2027F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	5.657	6.751	7.818	5.657
Giá vốn hàng bán	-3.887	-4.658	-5.624	-3.887
Lợi nhuận gộp	1.770	2.093	2.194	1.770
Doanh thu hoạt động tài chính	92	168	158	92
Chi phí tài chính	-139	-168	-192	-139
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-633	-640	-766	-633
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-227	-295	-336	-227
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	885	1.201	1.087	885
Thu nhập khác	3	-5	-13	3
Lợi nhuận trước thuế	888	1.196	1.074	888
Lợi nhuận ròng	736	993	891	736
Lợi nhuận chia cho cổ đông	736	993	891	736
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	4.239	4.377	4.689	4.239
Giá trị sổ sách (VND)	25.723	24.742	26.431	25.723
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.500	2.500	3.000	2.500
EBIT	937	1.276	1.171	937
EBITDA	1.090	1.426	1.348	1.090
Tăng trưởng				
Doanh thu	9,3%	19,3%	15,8%	9,3%
EBITDA	20,0%	30,8%	-5,5%	20,0%
EBIT	25,1%	36,2%	-8,3%	25,1%
Lợi nhuận ròng	31,5%	35,0%	-10,2%	31,5%
Vốn chủ sở hữu	17,7%	15,4%	6,8%	17,7%
Vốn điều lệ	10,0%	20,0%	0,0%	10,0%
Tổng tài sản	17,6%	9,9%	7,1%	17,6%
Định giá				
P/E	13,7	12,5	13,2	13,7
P/B	2,5	2,7	2,3	2,5
Giá/Doanh thu	1,6	1,7	1,3	1,6
Tỷ suất cổ tức	3,9%	3,8%	4,9%	3,9%
EV/EBITDA	7,0	6,5	6,4	7,0
EV/Doanh thu	1,3	1,4	1,1	1,3
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	31,3%	31,0%	28,1%	31,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	15,0%	16,6%	13,1%	15,0%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	13,0%	14,7%	11,4%	13,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	11,2%	9,5%	9,8%	11,2%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	4,0%	4,4%	4,3%	4,0%
ROE	21,7%	25,1%	20,4%	21,7%
ROA	12,4%	14,8%	12,2%	12,4%
ROIC	15,6%	20,1%	17,2%	15,6%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành Nhựa

Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên phân tích

Chaunbm1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321